

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRẦN ĐẠI CÁT

**TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
LIÊN MINH CHÂU ÂU - VIỆT NAM ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU
HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY Ở VIỆT NAM**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Thuận**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận văn.....	2
3. Mục đích nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
6. Những đóng góp của luận văn.....	5
7. Kết cấu của luận văn.....	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY Ở VIỆT NAM VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU – VIỆT NAM.....	6
1.1. Khái quát hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may.....	6
1.1.1. Khái niệm xuất khẩu hàng hóa	6
1.1.2. Vai trò của xuất khẩu hàng hóa	6
1.1.3. Các hình thức xuất khẩu hàng hóa	7
1.1.4. Xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may.....	8
1.1.5. Xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may trong bối cảnh ký kết Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.	9
1.2. Nội dung của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.....	11
1.2.1. Quá trình ký kết Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.....	11
1.2.2. Nội dung chính của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa.....	12
Tiểu kết Chương 1	13
CHƯƠNG 2. CAM KẾT VÀ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU – VIỆT NAM ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY Ở VIỆT NAM.....	13
2.1. Các cam kết trong Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu -Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may.....	13
2.1.1. Cam kết về thuế, thủ tục hải quan đối với dệt may	13
2.1.2. Cam kết về quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may	14
2.1.3. Cam kết về hàng rào kỹ thuật (TBT) đối với sản phẩm dệt may.	15
2.2. Một số tác động Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam trong xuất khẩu hàng hóa dệt may ở Việt Nam.....	16
2.2.1. Các tác động tích cực của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam trong xuất khẩu hàng hóa dệt may ở Việt Nam.....	16
2.2.1.1. Tác động của thuế quan.....	16
2.2.1.2. Hạn ngạch xuất khẩu hàng hóa.....	16
2.2.1.3. Tác động của tỷ giá hối đoái.....	17
2.2.1.4. Tác động đến chất lượng và chuẩn mực sản phẩm dệt may.....	17
2.2.2. Khó khăn, hạn chế của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may ở Việt Nam.	17

2.3. Nguyên nhân dẫn đến khó khăn, hạn chế của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may ở Việt Nam.....	18
Tiêu kết Chương 2.....	19
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH EVFTA ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang các quốc gia trong liên minh châu Âu.....	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang các quốc gia trong liên minh châu Âu.....	20
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam khi thực thi cam kết trong Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.....	22
Tiêu kết Chương 3.....	24
KẾT LUẬN	25
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Hiệp định EVFTA:	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU
Liên minh EU:	Liên minh châu Âu
PVTM:	Phòng vệ thương mại
TMQT:	Thương mại quốc tế
TBT:	Hàng rào kỹ thuật
Hiệp định SPS:	hiệp định về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động vật của WTO
GSP:	thống thuế quan ưu đãi nhằm giảm thuế cho các sản phẩm khác nhau
KCS:	kiểm tra chất lượng sản phẩm

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Dệt may được coi là một trong những ngành trọng điểm của nền công nghiệp Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong nhiều năm trở lại đây, Việt Nam là một trong năm quốc gia có kim ngạch xuất khẩu Dệt may lớn nhất thế giới. Các quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản đều là các thành viên của các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia. Ngoài ra, một số thị trường nước ngoài là thành viên của các Hiệp định của WTO điều chỉnh hoạt động của ngành Dệt may (Hiệp định Tổng quan về Thuế quan và Thương mại (1994), Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại, Hiệp định về Quy định xuất xứ); Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

Trước tác động của dịch Covid-19, xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang EU những tháng đầu năm 2020 đã giảm mạnh. Việc xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang EU từ tháng 8/2020 dần cải thiện phản ánh một phần là do sự phục hồi sau khủng hoảng của dịch Covid-19, một phần do tác động tích cực từ EVFTA và các doanh nghiệp EU cũng tăng cường đa dạng hóa thị trường¹.

Bên cạnh đó, đa số doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng ngành hàng dệt may gia công cho các nhãn hàng lớn trên thế giới đã tiếp nhận những yêu cầu “xanh hóa trong sản xuất” như: Thực hiện trách nhiệm xã hội, môi trường và cắt giảm phát thải. Đây cũng là những tiêu chí để đánh giá năng lực cạnh tranh khi tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, toàn diện và mở cửa thị trường đầu tiên của Liên minh châu Âu (EU) với một quốc gia đang phát triển tại châu Á. Việt Nam đã tích cực thúc đẩy tiến trình triển khai EVFTA. Hiệp định EVFTA có hiệu lực, tạo động lực phát triển kinh tế Việt Nam. Khi hiệp định có hiệu lực, các rào cản thuế quan và thương mại giữa Việt Nam và EU giảm, các doanh nghiệp Việt Nam có thêm nhiều cơ hội tham gia sâu, rộng hơn và chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, cũng như mở rộng thị trường quốc tế. Những cam kết liên quan đến quy mô và mức độ đầu tư trong hiệp định sẽ thay thế hiệp định đầu tư song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên EU, giúp Việt Nam tiếp tục cải cách cơ cấu kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư EU triển khai các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Tuy nhiên, đại dịch Covid và cuộc chiến chưa biết khi nào dừng của chiến tranh Nga- Ukraina đã phần nào thay đổi cục diện. tác động không nhỏ đến chiến lược phát triển của ngành dệt may VN và những nội dung mà VN đã tham gia trong EVFTA.

Rào cản lớn nhất hiện nay với các doanh nghiệp là khoản đầu tư lớn khi đầu tư máy móc, công nghệ. Tuy nhiên, không phải vì thấy khó mà dừng lại, vì nếu để mất khách hàng doanh nghiệp sẽ không thể duy trì hoạt động. Do đó, chuyển đổi theo hướng “xanh hóa” là vấn đề cấp bách của các doanh nghiệp.

Trước những thách thức của ngành, Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) đã đòi hỏi cần phải có kiến thức pháp lý, kiến thức kinh tế, thương mại quốc tế, năng lực cạnh tranh để tận dụng được những lợi ích và vượt qua những thử thách mà các hiệp định thương mại phân tích trong đề tài yêu cầu qua các cam kết cụ thể để lộ trình hội nhập

¹ *ThS.Vũ Thị Nhung* - Một số vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam sau 2 năm thực hiện EVFTA. Trang 310, Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Hai năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động kinh tế - xã hội và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam

kinh tế quốc tế hiệu quả vì đây là giải pháp căn cơ để các doanh nghiệp phục hồi, phát triển trong điều kiện bình thường mới. Cùng với đó, ngành dệt may mong muốn Chính phủ sớm phê duyệt “Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035” để ngành có thể tự túc nguyên phụ liệu, đáp ứng quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại tự do...Chuyển đoạn này về chương 3 khi viết về giải pháp.

Trước những cơ hội và thách thức đó, học viên đã chọn đề tài: **“Tác động của hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam”**, làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình với mong muốn góp phần đề xuất các giải pháp chiến lược tổng thể và cụ thể giúp các doanh nghiệp Dệt may ở Việt Nam nhận thức đúng về các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia, từ đó tận dụng một cách tốt nhất các ưu đãi thương mại, chính sách đối với ngành Dệt may mà Hiệp định nói trên mang lại, góp phần thúc đẩy hoạt động xuất khẩu các sản phẩm dệt may đạt hiệu quả cao.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận văn

2.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Liên quan đến lĩnh vực dệt may trong thương mại quốc tế đã trở thành hàng hóa có sự lưu thông rất mạnh giữa các thị trường thông quan hoạt động xuất nhập khẩu. Các hiệp định thương mại song phương, đa phương, hiệp định thương mại tự do đã thúc đẩy sự phát triển thị trường dệt may ở các quốc gia. Đi đôi với sự phát triển kinh tế nói chung, thương mại trong ngành dệt may nói riêng nhiều đề tài, bài viết đã đề cập đến những nội dung pháp lý, những ưu đãi, những rào cản và các thách thức được phản ánh khá phong phú. Về dệt may đã nhiều công trình đã được tiếp cận đăng tải ở các bài báo, công trình khoa học nước ngoài đến thời điểm nghiên cứu tác giả thu thập được như:

- Global economic prospects (2016), Topical issue: Potential Macroeconomic Implications of the Trans-Pacific Partnership (Tạm dịch: Vấn đề thời sự: Ý nghĩa kinh tế vĩ mô tiềm năng Quan hệ đối tác xuyên Thái Bình Dương). Bài viết đề cập đến các nội dung liên quan về ưu đãi của TPP mang lại cho các thành viên 12 quốc gia ký kết, tăng cường hợp tác thương mại giữa các quốc gia và tạo động lực kích thích sự liên kết về thương mại giữa các quốc gia trong khối.

- Lee, H., and K. Itakura (2014), “TPP, RCEP, and Japan’s Agricultural Policy Reforms (Tạm dịch: TPP, RCEP, và Nhật Bản cải cách chính sách nông nghiệp), OSIPP Discussion Paper 14E003, Osaka, Japan. Trong bài báo này, tác giả so sánh tác động phúc lợi và mức độ điều chỉnh ngành dưới tác động của TPP. Mục tiêu của nghiên cứu này là để kiểm tra cải cách chính sách nông nghiệp của Nhật Bản về sản lượng nông nghiệp.

- Michaela D. Platzer, Nghiên cứu Quốc hội, U.S. Textile Manufacturing and the Trans-Pacific Partnership Negotiations Michaela D. Platzer, Congressional Research Service (Tạm dịch: Sản xuất Dệt may của Hoa Kỳ và các cuộc đàm phán đối tác xuyên Thái Bình Dương). Nội dung nghiên cứu đề cập đến Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một thỏa thuận đề xuất của khu vực thương mại tự do (FTA) hiện đang được đàm phán giữa 12 quốc gia như tiến độ đàm phán, các quy định liên quan đến thương mại Dệt may đã trở thành tâm điểm thảo luận. Báo cáo xem xét những tác động tiềm năng của thỏa thuận TPP, nếu đạt được, cho các ngành công nghiệp sản xuất Dệt may của Hoa Kỳ.

- Nam Nguyen (2016), Vietnam's textile-garment industry in the post-TPP period (Tạm dịch: Ngành xuất khẩu Dệt may của Việt Nam trong TPP), Báo Vietnamnet Tiếng Anh. Bài viết đánh giá TPP sẽ giúp nâng cao sản lượng và xuất khẩu ở Việt Nam và tăng cường thương mại hàng hải của mình với Mỹ. Ngành Dệt may được coi là một trong những ngành công nghiệp mà sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ TPP, kim ngạch xuất khẩu Dệt may của Việt Nam sang các nước tham gia Hiệp định TPP được dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong thời gian tới, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ.

2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Liên quan đến dệt may, đánh giá tác động về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa Dệt may trong xu thế hội nhập quốc tế, đã có nhiều công trình nghiên cứu cả về mặt lý luận và thực tiễn, điển hình như các nghiên cứu của các tác giả:

- Phạm Minh Đức (2014), Ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, Hội thảo VCCI tại Hà Nội và Đà Nẵng do Ngân hàng thế giới tổ chức. Bài viết trình bày một số tác động của TPP đối với ngành dệt may, nhất là khi hiệp định có hiệu lực, từ đó đưa ra một số cơ hội và thách thức cho ngành dệt may Việt Nam. Từ số lượng các nghiên cứu tại Việt Nam liên quan tới việc đánh giá cơ hội và thách thức của ngành dệt may trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đặc biệt là các hiệp định thương mại được thực hiện trong đó có TPP còn rất hạn chế. Bởi vậy bài nghiên cứu này bằng phương pháp phân tích dựa trên mô hình cạnh tranh của Michael Porter và mô hình SWOT sẽ làm rõ hơn về cơ hội thách thức của ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh thực hiện hiệp định TPP. Từ những luận điểm về cơ hội thách thức của ngành, bài nghiên cứu cũng chỉ ra những vấn đề tồn tại và biện pháp phát triển ngành dệt may trong bối cảnh hội nhập.

- Nguyễn Thùy Dung (2015), Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Dệt may khi Việt Nam gia nhập Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Bài viết đề cập đến những cơ hội, thách thức và một số giải pháp cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam khi tham gia TPP. Cụ thể, tác giả giới thiệu Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một Hiệp định thương mại tự do (FTA) nhiều bên, được ký kết với mục tiêu thiết lập một mặt bằng thương mại tự do chung cho các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hoàn thành đàm phán để gia nhập TPP là một trong những mục tiêu quan trọng của Việt Nam. Trong các cuộc đàm phán về TPP, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dệt may luôn là một nội dung quan trọng có liên quan đến tất cả các nội dung đàm phán. Việc đàm phán thành công và gia nhập TPP sẽ mang lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói riêng (như: Mở rộng thị trường và tăng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng dệt may; các doanh nghiệp dệt may sẽ được hưởng nhiều ưu đãi về thuế; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Dệt may...). Tuy nhiên cũng giống như các hiệp định khác, ngoài những cơ hội, thì việc Việt Nam gia nhập TPP sẽ tạo ra những thách thức lớn cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam (như: Thách thức về quy tắc xuất xứ và rào cản kỹ thuật; gia tăng sức ép về mở cửa thị trường và năng lực cạnh tranh; thách thức về giải quyết các vấn đề lao động và môi trường...).

- Thu Hằng (2016), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương: Cơ hội thành "trái ngọt", Báo điện tử Công thương. Bài viết phân tích những thuận lợi mà ngành Dệt may Việt Nam được hưởng lợi từ các chính sách ưu đãi trong Hiệp định TPP; bài viết cũng đưa ra các phân tích bình luận về sức cạnh tranh mạnh mẽ khi TPP có hiệu lực giữa các

quốc gia trong khối và khuyến cáo khi vào TPP để được hưởng ưu đãi trong TPP, các doanh nghiệp cần tìm hiểu và nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Hiệp định liên quan đến lĩnh vực hoạt động của đơn vị mình, các doanh nghiệp cần tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc mà TPP đã đặt ra.

- Nguyễn Tuấn (2016), Thừa Thiên Huế: Gỡ khó cho doanh nghiệp dệt may, Báo công thương điện tử. Bài viết đã phân tích những vấn đề bất cập đối với các doanh nghiệp dệt may tại tỉnh Thừa Thiên Huế như: địa bàn vẫn chưa có cơ sở đào tạo chuyên ngành may - thiết kế thời trang; đội ngũ lao động chủ yếu là lao động phổ thông nên doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, một số trung tâm dạy nghề chưa thực sự gắn kết các chương trình đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp nên số lao động sau khi đào tạo doanh nghiệp không thể sử dụng mà phải tổ chức đào tạo lại, khá tốn kém và mất thời gian, doanh nghiệp dệt may phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nước ngoài. Để giải quyết vấn đề này, bài viết cũng đề xuất cần tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi dự án sản xuất hàng phụ trợ Dệt may phân bố đều tại các khu công nghiệp.

- Trần Thị Thu Hương, Phạm Tiến Mạnh (2021) Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh hiệp định EVFTA mới. Bài viết phân tích về những cơ hội và thách thức mà EVFTA mang lại cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, đồng thời nghiên cứu thực nghiệm các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành nhằm đề xuất một số giải pháp giúp doanh nghiệp dệt may Việt Nam nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh hiệp định mới có hiệu lực.

- Nguyễn Văn Nghi - Trường Đại học Công đoàn (2022). Bài viết này phân tích về thực trạng ngành dệt May Việt Nam hiện nay và những thách thức trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và đề xuất một số giải pháp để ngành dệt May phát triển phù hợp với xu hướng phát triển mới của các ngành công nghiệp sản xuất trên thế giới.

Như vậy, về các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực dệt may và hoạt động xuất nhập khẩu trong thương mại quốc tế đã được nhiều học giả nghiên cứu qua những vấn đề lý luận và đánh giá thực tiễn cũng như đưa ra các giải pháp, các định hướng nâng cao hiệu quả trong quá trình thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, đa số các công trình hiện nay được thực hiện trên cơ sở các bài báo, đề tài tập trung trong thị trường các nước có nền kinh tế lớn như Mỹ, Pháp hoặc các thị trường truyền thống như Trung Quốc, WTO. Còn về việc thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường khối FTAs thì rất ít các công trình phân tích sâu, đặc biệt là phát triển ngành ở một địa phương cụ thể. Vì vậy, đề tài sẽ tiếp tục kế thừa các nghiên cứu nêu trên và đưa ra các hướng giải quyết phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ đề ra để có sản phẩm ứng dụng hiệu quả đối với các doanh nghiệp Dệt may ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng và ngành dệt may ở Việt Nam nói chung trong xu thế hội nhập và phát triển trong hoạt động thương mại quốc tế.

3. Mục đích nghiên cứu

Phân tích được tác động của EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất giải pháp góp hoàn thiện pháp luật nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Dệt may Việt Nam hội nhập nền kinh tế quốc tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận về các quy định của EVFTA tác động đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Dệt may ở Việt Nam và thực tiễn thực hiện.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Một là, đề tài tập trung nghiên cứu cam kết của Việt Nam trong EVFTA (trọng tâm là PSR) về ngành Dệt may, và tác động của những cam kết này đối với hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Dệt may khi thực thi trong thực tiễn. Để có cơ sở xây dựng giải pháp, nhóm tác giả đi từ đánh giá tác động của những cam kết trong FTAs đối với hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Dệt may.

Hai là, về thời gian: Giai đoạn từ năm 2018- 2023

Ba là, về không gian: Tại Việt Nam

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để thực hiện đề tài, tác giả dựa trên nền tảng các lý thuyết dựa trên cơ sở quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin về Nhà nước và Pháp luật; quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cùng với các nguồn tài liệu đã thu thập được.

5.2. Phương pháp nghiên cứu luận văn

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu, kế thừa được sử dụng để nghiên cứu các công trình, các quan điểm trong nước cũng như nước ngoài liên quan đến nội dung nghiên cứu ở phần Tổng quan tình hình nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích, so sánh, liệt kê được sử dụng ở Chương 1 để luận giải ngành Dệt may và tình hình thực thi của Hiệp định EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may.

- Phương pháp phân tích, điều tra, so sánh, tổng hợp số liệu được sử dụng ở Chương 2 để đánh giá thực tiễn thực thi của Hiệp định EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may.

- Phương pháp liệt kê, phân tích, so sánh được sử dụng ở Chương 3 để xây dựng hệ thống các giải pháp chung và cụ thể để nâng cao hiệu quả xuất khẩu của thực thi của Hiệp định EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may.

6. Những đóng góp của luận văn

Luận văn mong muốn từ những nghiên cứu của mình có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà khoa học, học viên sau đại học và sinh viên nghiên cứu trong lĩnh vực Luật thương mại quốc tế, Luật kinh tế, Kinh tế. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở khoa học cho các nhà quản lý, các doanh nghiệp Dệt may ở Việt Nam nắm bắt các vấn đề pháp lý, các rào cản, ưu đãi trong EVFTA để điều chỉnh chính sách, có chiến lược sản xuất, kinh doanh nhằm tận dụng các lợi thế, khắc phục các rào cản để có thể tận dụng tốt các thuận lợi theo cam kết khi xuất khẩu sản phẩm Dệt may sang các quốc gia thuộc EVFTA.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung Đề tài được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam và nội dung cơ bản của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.

Chương 2. Cam kết và tác động của Hiệp định thương mại tự do liên minh Châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam.

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY Ở VIỆT NAM VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU – VIỆT NAM

1.1. Khái quát hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may.

1.1.1. Khái niệm xuất khẩu hàng hóa

Xuất khẩu được hiểu là hoạt động đưa các hàng hoá và dịch vụ từ quốc gia này sang quốc gia khác nhằm thu lợi nhuận, trên cơ sở sử dụng tiền tệ làm phương thức thanh toán. Dưới giác độ kinh doanh, xuất khẩu là việc bán các hàng hoá và dịch vụ giữa quốc gia này với quốc gia khác, còn dưới giác độ phi kinh doanh (làm quà tặng hoặc viện trợ không hoàn lại) thì hoạt động xuất khẩu chỉ là việc lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ qua biên giới quốc gia².

Pháp luật Việt Nam cũng đã đưa ra quan điểm về định nghĩa xuất khẩu: *Xuất khẩu là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật*³.

Khu vực hải quan riêng ở đây được hiểu: “Khu vực địa lý xác định trên lãnh thổ Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa với phần lãnh thổ còn lại và nước ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”⁴. Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu đưa ra khái niệm về Khu thuế quan riêng là: “Khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”⁵. Từ quy định này, chúng ta có thể hiểu khái niệm hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp dệt may như sau: “Hoạt động xuất khẩu dệt may của doanh nghiệp được hiểu là hoạt động của doanh nghiệp đưa hàng Dệt may ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam”.

1.1.2. Vai trò của xuất khẩu hàng hóa

Thứ nhất, đối với nền kinh tế

Xuất khẩu là đem các hàng hoá và dịch vụ dư thừa hoặc là có lợi thế hơn để bán cho các nước khác làm cho các bên đều có lợi và làm tăng quy mô nền kinh tế thế giới.

² Theo <https://vi.wikipedia.org/wiki/>

³ Khoản 1 điều 28 Luật Thương mại 2005

⁴ Xem tại Khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý Ngoại thương (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018).

⁵ Xem Khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.

Không chỉ vậy, xuất khẩu còn tác động làm chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và phát triển sản xuất. Sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế sẽ đi từ hướng chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu sang nền kinh tế mà công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn. Sở dĩ như vậy là xuất khẩu sẽ khai thác lợi thế so sánh của quốc gia mình.

Một là, xuất khẩu tạo ra khả năng thị trường tiêu thụ cũng như cung cấp đầu vào cho sản xuất nhằm khai thác tối đa năng lực sản xuất trong nước phục vụ nhu cầu của thị trường.

Hai là, xuất khẩu còn tạo điều kiện cho các ngành liên quan phát triển.

Ba là, xuất khẩu làm tăng dự trữ ngoại tệ. Nguồn ngoại tệ thu về lớn hơn (hay cán cân thanh toán thặng dư) là điều kiện để duy trì sự ổn định của tỷ giá hối đoái theo hướng có lợi cho xuất khẩu nhưng lại không tổn hao đến nhập khẩu vì vậy sẽ tạo điều kiện phát triển kinh tế.

Bốn là, xuất khẩu góp phần giải quyết công ăn, việc làm.

Năm là, xuất khẩu là cơ sở mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại của đất nước.

Nói chung, xuất khẩu đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế của các quốc gia, do vậy các quốc gia đều chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu để khai thác tối đa lợi ích của hoạt động này trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, đối với các doanh nghiệp

Xuất khẩu là hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. Mục đích của các công ty khi thực hiện hoạt động xuất khẩu là:

Một là, tăng doanh số bán hàng: Khi thị trường trong nước trở lên bão hoà thì xuất khẩu là hoạt động làm tăng doanh số bán hàng của công ty khi mở rộng thị trường quốc tế.

Hai là, đa dạng hóa thị trường đầu ra: Đa dạng hóa thị trường đầu ra sẽ giúp cho công ty có thể ổn định luồng tiền thanh toán cho các nhà cung cấp.

Ba là, thu được các kinh nghiệm quốc tế: Các nhà kinh doanh và nhà quản lý sẽ tham gia kinh doanh quốc tế, các nhà kinh doanh và các nhà quản lý hoạt động trong những môi trường kinh tế xã hội, kinh tế, chính trị khác nhau.

Tóm lại, xuất khẩu là hoạt động kinh doanh quốc tế ra đời sớm nhất và có chi phí cũng như rủi ro thấp nhất. Do đó, đây là hoạt ở các quốc gia kinh doanh quốc tế chủ yếu của các công ty ở các quốc gia đang phát triển (vì yếu tố về vốn, về công nghệ, về con người còn yếu kém nên xuất khẩu là biện pháp hữu hiệu nhất trong các hoạt động kinh doanh quốc tế. Xuất khẩu là hoạt động đơn giản nhất trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Do đó các giao dịch và chi phí rủi ro khi có sự biến động về môi trường chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội... sẽ thấp nhất so với các hoạt động khác.

1.1.3. Các hình thức xuất khẩu hàng hóa

Thứ nhất, xuất khẩu trực tiếp.

Xuất khẩu trực tiếp là hoạt động bán hàng trực tiếp của công ty cho các khách hàng của mình ở nước ngoài.

Thông qua hoạt động xuất khẩu trực tiếp, công ty sẽ đáp ứng nhanh chóng và phù hợp nhu cầu của khách hàng ở trong nước và qua đó công ty cũng kiểm soát được yếu tố đầu ra của sản phẩm để điều chỉnh yếu tố đầu vào để mang lại lợi ích cao nhất.

Thứ hai, xuất khẩu gián tiếp.

Là hoạt động bán hàng hoá và dịch vụ của công ty ra nước ngoài thông qua trung gian (thông qua người thứ ba).

Thứ ba, buôn bán đối lưu

Kinh doanh xuất khẩu, các công ty xuất nhập khẩu cũng gặp phải vấn đề khó khăn trong vấn đề thanh toán hoặc yêu cầu nhập khẩu hàng hóa của chính đối tác nên công ty xuất khẩu lựa chọn hình thức buôn bán đối lưu.

Ưu điểm của hình thức buôn bán đối lưu là giúp cho các công ty ít sử dụng ngoại tệ mạnh để thanh toán nên tiết kiệm được chi phí và hạn chế sự ảnh hưởng bất lợi của tỷ giá hối đoái.

Thứ tư, xuất khẩu tại chỗ.

Là hình thức xuất khẩu mà hàng hoá không qua biên giới quốc gia mà thường là xuất khẩu vào khu vực công nghiệp dành riêng cho các công ty kinh doanh, người nước ngoài.

Thứ năm, tái xuất khẩu.

Là việc xuất khẩu những hàng hoá đã nhập khẩu vào nước mình nhưng chưa qua chế biến.

Các hình thức tái xuất.

- Tái xuất: Là hình thức mà nước tái xuất nhập hàng về nước mình và xuất sang nước khác đã thông qua thông quan xuất khẩu.

- Chuyển khẩu: Là hình thức mà nước chuyển khẩu chỉ thu tiền từ nước nhập khẩu và thanh toán cho nước xuất khẩu còn hàng hoá sẽ xuất khẩu trực tiếp nước xuất khẩu sang nước nhập khẩu, hay nhập khẩu về của khẩu của nước mình nhưng chưa thông quan đã tiến hành xuất khẩu sang nước khác.

Thứ sáu, xuất khẩu theo nghị định thư.

1.1.4. Xuất khẩu hàng hàng hóa trong lĩnh vực dệt may

Ngành Dệt may được hiểu là ngành công nghiệp liên quan đến việc sản xuất sợi, Dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và cuối cùng là phân phối hàng may mặc tới tay người tiêu dùng.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may của Việt Nam trong những năm vừa qua đã có những bước phát triển vượt trội. Ngành dệt may của nước ta luôn được đánh giá là ngành có vai trò quan trọng và là ngành chủ lực trong việc xuất khẩu, giữ vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế, chiếm 12 - 16% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Có thể thấy hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may của doanh nghiệp có các đặc điểm sau:

Một là, đối tượng của hoạt động xuất khẩu Dệt may ở đây chính là hàng Dệt may.

Hai là, chủ thể sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may để xuất khẩu là doanh nghiệp Việt Nam.

Ba là, hoạt động xuất khẩu là việc đưa (bán) hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may ra khỏi lãnh thổ của quốc gia mình cho một quốc gia khác trên cơ sở dùng tiền tệ để thanh toán. Tiền tệ ở đây có thể là ngoại tệ đối với một quốc gia hay đối với hai quốc gia. Việc di chuyển hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may ra khỏi lãnh thổ theo quy định hiện hành được hiểu: (i) Hàng Dệt may được doanh nghiệp xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc (ii) Hàng Dệt may được di chuyển từ khu vực thuế quan đặc biệt ra bên ngoài.

Bốn là, mục đích của hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may là khai thác được lợi thế của từng quốc gia trong phân công lao động quốc tế.

Năm là, hoạt động xuất khẩu nói chung, xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may nói riêng diễn ra trên phạm vi rất rộng cả về không gian và thời gian, diễn ra trong

thời gian rất ngắn song nó cũng có thể kéo dài hàng năm, và được tiến hành trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia hoặc nhiều quốc gia.

Vai trò của xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may hiện nay:

Một là, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước.

Hai là, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp dệt may.

Thông qua hoạt động xuất khẩu, các doanh nghiệp Dệt may trong nước có điều kiện tham gia vào thị trường cạnh tranh của thế giới về số lượng, chất lượng và giá cả sản phẩm.

Ba là, tăng cường hợp tác kinh tế, thúc đẩy thương mại địa phương phát triển.

Hoạt động xuất khẩu Dệt may giúp thúc đẩy sự hợp tác kinh tế giữa nước ta với nhiều quốc gia trên thế giới. Vì xuất khẩu chính là sự trao đổi, là sự thể hiện mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia và là mục tiêu và cơ sở cho các hoạt động đối ngoại.

Ngoài ra hoạt động xuất khẩu Dệt may còn “mở đường” cho Chính phủ tiếp cận để đặt các quan hệ môi ngoại giao tiếp theo với các quốc gia nhập khẩu, nhằm mở rộng hoạt động hợp tác kinh tế, không chỉ dừng ở việc hợp tác về xuất nhập khẩu hàng Dệt may mà còn mở rộng ra các hàng hóa ở các ngành nghề khác như nông nghiệp, du lịch, môi trường. Điều này, tạo điều kiện cho các địa phương trong cả nước có cơ hội hợp tác để xuất khẩu các ngành nghề thuộc thế mạnh của địa phương mình như gạo ở Đồng bằng Sông Cửu Long; cà phê, tiêu điều ở Tây Nguyên; Du lịch, Dệt may ở Thừa Thiên Huế.v.v.

1.1.5. Xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may trong bối cảnh ký kết Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.

Dệt may Việt Nam hiện nằm trong Top 3 các nước xuất khẩu dệt may toàn cầu, sau Trung Quốc, Ấn Độ. Trong số các thị trường nhập khẩu dệt may Việt Nam thì EU là thị trường chiếm tỷ trọng khá lớn. Năm 2018, ngành dệt may Việt Nam đã xuất khẩu sang thị trường EU đạt kim ngạch trên 4,133 tỷ USD.

Tiềm năng xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang thị trường EU còn rất lớn. Với dân số 500 triệu người, hàng năm, thị trường EU có nhu cầu nhập khẩu trên 100 tỷ USD hàng may mặc. Hiện thuế suất xuất khẩu hàng dệt may sang EU đang bình quân là 9,6%, nhưng tới đây, khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực thì thuế suất sẽ giảm dần về 0% (trong vòng 7 năm). Đây thực sự là cơ hội rất lớn đối với dệt may Việt Nam.

Thứ nhất, trước khi tham gia hiệp định EVFTA.

Ngành xuất khẩu hàng hóa ngành dệt may ở Việt Nam khi chưa tham gia Hiệp định EVFTA phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức chủ quan và khách quan, ngăn cản sự phát triển của hoạt động xuất khẩu ngành dệt may ra thị trường thế giới. Thời điểm này, ngành dệt may của Việt Nam bị cạnh tranh nhiều với các quốc gia khác như: Myanmar, Campuchia,... Bởi lý do, ngành dệt may nước ta phải gánh chịu nhiều chi phí việc xuất khẩu hàng hóa, chi phí hải quan, các loại thuế,....

Trước khi ký kết tham gia Hiệp ước thì nhu cầu tiêu thụ của thị trường xuất khẩu không cao. Nên các nước xuất khẩu hàng hóa ngành dệt may đều gặp khó khăn, trong đó có Việt Nam. Tốc độ xuất khẩu hàng hóa dệt của nước ta là 5,2% so với 07 nước xuất khẩu ngành dệt may trên thế giới⁶. Ngoài ra, theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, thị trường xuất khẩu chính hàng dệt may của Việt Nam trong năm 2016 vẫn là Trung Quốc với

⁶ Nguồn: kinhtetrunguoc.vn - Dệt may Việt Nam: Những khó khăn đã được dự báo trước

hơn 50% tổng lượng xuất khẩu. Điều này cũng tiềm ẩn nguy cơ khiến doanh nghiệp xuất khẩu sợi có thể gặp rủi ro khi quá phụ thuộc vào thị trường này. Tình hình khó khăn hoạt động xuất khẩu hàng hóa ngành dệt may trong năm 2016 là mối lo ngại của năm 2017 khi xuất khẩu ngành dệt may là ngành kinh tế lớn của Việt Nam.

Tình hình xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may năm 2017

Sản phẩm	Năm 2017 (triệu USD)	So với năm 2016 (%)	Tỷ trọng/Tổng KNXX dệt may năm 2017 (%)	Tỷ trọng/Tổng KNXX năm 2017 (%)
Tổng hàng dệt may	31.797,9	10,93	100,00	14,86
Hàng may mặc	26.038,4	9,29	81,89	12,17
Xơ, sợi dệt các loại	3.593,3	22,66	11,30	1,68
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.709,4	14,32	5,38	0,80
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	456,9	10,01	1,44	0,21

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của TCHQ

Thứ hai, sau khi tham gia ký kết Hiệp định EVFTA.

EVFTA là một hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU, đây là hiệp định có chất lượng cao, mang nhiều lợi ích cho cả Việt Nam và EU. Với EVFTA, Việt Nam kỳ vọng xuất khẩu nhiều hàng hóa của ngành dệt may sang nhiều nước của Châu Âu, cũng như mở ra thị trường nguyên liệu đầu vào ngày càng đa dạng và phong phú hơn. Giúp thu hút được vốn đầu tư trực tiếp (FDI) từ nước ngoài từ đó có thể mở rộng quy mô sản xuất, tăng cường công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, trang bị trang thiết bị máy móc hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, tạo công ăn việc từ đó giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, cụ thể:

Một là, các cơ hội cho Việt Nam sau khi ký kết Hiệp định EVFTA

Về tăng trưởng xuất khẩu, Tự do hóa thương mại thông qua việc thực hiện các cam kết, các thỏa thuận trong hiệp định EVFTA đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành Dệt may, giúp các doanh nghiệp Dệt may mở rộng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, các hàng rào thuế quan đối với ngành Dệt may sẽ về 0% tùy theo từng hiệp định mà sẽ có lộ trình khác nhau đã làm tăng kim ngạch xuất khẩu hàng Dệt may.

Về phát triển ngành dệt may, ngành dệt may sẽ được cắt giảm thuế xóa bỏ hoàn toàn giảm về 0%. Đây sẽ là lợi thế tạo thuận lợi cho ngành dệt may Việt Nam vươn lên phát triển mạnh và có đủ sức mạnh cạnh tranh với sản phẩm các nước khác. Bên cạnh đó, sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài để cơ cấu lại ngành Dệt may trên địa bàn tỉnh.

Hai là, các thách thức cho Việt Nam sau khi ký kết Hiệp định EVFTA

(1) các yêu cầu về quy tắc xuất xứ trong ngắn hạn, quy tắc xuất xứ của Hiệp định này là thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam để được hưởng những ưu đãi trong Hiệp định EVFTA. Tính đến thời điểm hiện nay, quy tắc xuất xứ hai công đoạn yêu cầu “từ vải trở đi” được đánh giá là chặt chẽ hơn nhiều so với Hiệp định ATIGA hay các Hiệp định “ASEAN +” mà Việt Nam đang tham gia. Có thể nói, EVFTA đã đánh trúng vào điểm yếu của ngành may mặc Việt Nam. Bởi sản xuất nguyên phụ liệu ngành dệt may chưa bao giờ là thế mạnh của chúng ta. Cho đến hiện nay ngành dệt may của nước ta vẫn chưa chủ động được nguồn cung nguyên liệu.

(2) Các rào cản TBT, SPS và yêu cầu của khách hàng: EU là một thị trường khó tính, khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm. Các yêu cầu về nhãn dán, môi trường, chất lượng,... của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng. Vì vậy, dù có được

hưởng lợi về thuế quan thì hàng hóa của Việt Nam cũng phải hoàn thiện rất nhiều về chất lượng để có thể vượt qua được các rào cản này

(3) Nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại. Thông thường thì rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nữa, DN ở thị trường xuất khẩu có xu hướng sử dụng nhiều các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa và EU cũng là một trong những thị trường có truyền thống sử dụng các công cụ này nên doanh nghiệp Việt Nam có thể bị lúng túng về mặt pháp lý.

(4) Thương hiệu sản phẩm Việt Nam còn yếu. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vẫn chưa được thị trường EU biết đến, hiệu quả của công tác quảng bá và thúc đẩy các sản phẩm chưa cao, Việt Nam cũng chưa phải là quốc gia có nguồn hàng hóa chất lượng cao.

1.2. Nội dung của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.

1.2.1. Quá trình ký kết Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam

Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA) là một thỏa thuận thương mại tự do giữa Việt Nam và 27 nước thành viên EU. EVFTA, cùng với Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TP), là hai FTA có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay.

Sau một thập kỷ nỗ lực không ngừng, Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) đã hoàn tất quá trình phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định này sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày 01/8/2020.

Đây là một dấu mốc mới trên hành trình cải cách và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam. Với việc phê chuẩn Hiệp định này, Liên minh châu Âu, một thị trường khó tính với những chuẩn mực cao nhất trên thế giới, đã chính thức ghi nhận những nỗ lực cải cách, xây dựng thể chế kinh tế thị trường và phát triển bền vững của Việt Nam và quyết tâm tăng cường hợp tác với Việt Nam.

Việc đàm phán, ký kết và phê chuẩn EVFTA - thỏa thuận thương mại tự do tham vọng nhất từ trước tới nay mà EU từng ký với một quốc gia đang phát triển - đã trải qua một hành trình dài với sự nỗ lực không mệt mỏi của nhiều bên.

Nếu tính từ khi Việt Nam và EU nhất trí khởi động đàm phán EVFTA vào tháng 10/2010 cho tới nay kéo dài gần tròn 10 năm. Đây là quá trình dài, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh tình hình kinh tế chính trị đang có nhiều diễn biến phức tạp và khó đoán định.

Việc đưa EVFTA vào thực thi trong bối cảnh xu hướng kinh tế - thương mại và thị trường có nhiều biến động khó lường được kỳ vọng sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác chiến lược để đẩy mạnh quan hệ thương mại, công nghiệp, kết nối đầu tư đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả, hướng tới sự phát triển bền vững Việt Nam – EU trong thời gian tới.

Các mốc thời gian quan trọng trong việc đàm phán Hiệp định EVFTA

Tháng 10/2010: Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch EU đã đồng ý khởi động đàm phán Hiệp định EVFTA.

Tháng 06/2012: Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam và Cao ủy Thương mại EU đã chính thức tuyên bố khởi động đàm phán Hiệp định EVFTA.

Tháng 12/2015: Kết thúc đàm phán và bắt đầu rà soát pháp lý để chuẩn bị cho việc ký kết Hiệp định.

Tháng 06/2017: Hoàn thành rà soát pháp lý ở cấp kỹ thuật

Tháng 09/2017: EU chính thức đề nghị Việt Nam tách riêng nội dung bảo hộ đầu tư và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước với nhà đầu tư (ISDS) ra khỏi Hiệp định EVFTA thành một hiệp định riêng do phát sinh một số vấn đề mới liên quan đến thẩm quyền phê chuẩn các hiệp định thương mại tự do của EU hay từng nước thành viên.

Tháng 06/2018: Việt Nam và EU đã chính thức thống nhất việc tách riêng EVFTA thành hai hiệp định gồm Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (IPA), chính thức kết thúc toàn bộ quá trình rà soát pháp lý Hiệp định EVFTA, và thống nhất toàn bộ các nội dung của Hiệp định IPA.

Tháng 08/2018: Hoàn thành rà soát pháp lý với EVIPA.

Ngày 17/10/2018: Ủy ban EU đã chính thức thông qua EVFTA và IPA.

Ngày 25/06/2019: Hội đồng EU đã phê duyệt cho phép ký Hiệp định.

Ngày 30/06/2019: Việt Nam và EU chính thức ký kết EVFTA và IPA.

Ngày 21/01/2020: Ủy ban Thương mại Quốc tế Liên minh Châu Âu thông qua khuyến nghị phê chuẩn EVFTA.

Ngày 30/03/2020: Hội đồng EU thông qua Hiệp định EVFTA.

Ngày 08/06/2020: Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định EVFTA.

Ngày 01/08/2020: Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực⁷.

1.2.2. Nội dung chính của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa.

Tóm lại, thương mại và phát triển bền vững

Trong khuôn khổ của đề tài luận văn, tác giả xin được nghiên cứu nội dung thứ nhất của Hiệp định là Thương mại hàng hoá và hướng nội dung này vào ngành dệt may và hoạt động xuất nhập khẩu của ngành dệt may.

Đối với xuất khẩu của Việt Nam, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 07 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Như vậy, có thể nói gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn. Cho đến nay, đây là mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho ta trong các hiệp định FTA đã được ký kết. Lợi ích này đặc biệt có ý nghĩa khi EU liên tục là một trong hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của ta hiện nay.

Đối với hàng xuất khẩu của EU, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế (chiếm 64,5% kim ngạch nhập khẩu). Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ thuế quan là khoảng 98,3% số dòng thuế (chiếm 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Đối với khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, ta áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO.

Các nội dung khác liên quan tới thương mại hàng hóa: Việt Nam và EU cũng thống nhất các nội dung liên quan tới thủ tục hải quan, SPS, TBT, phòng vệ thương mại, v.v,

⁷ Nguồn: Tổng hợp từ Bộ Công thương

tạo khuôn khổ pháp lý để hai bên hợp tác, tạo thuận lợi cho xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy, EVFTA là giải pháp các quốc gia mở rộng và tự do hóa quan hệ thương mại bằng những thỏa thuận về đầu tư, cạnh tranh, môi trường và tiêu chuẩn lao động. Vì trên thực tế, bản thân các quốc gia không tự cắt giảm thuế, xóa bỏ các rào cản, mà chỉ có thông qua đàm phán, thiết lập FTA, mở ra các cơ hội để thúc đẩy tự do hóa, góp phần vào quá trình tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia thành viên. Do đó, việc ký kết EVFTA sẽ mang lại những tác động đối với nền kinh tế, chính trị, ngoại giao của mỗi quốc gia thành viên, trong đó, đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp, đầu tiên đó chính là các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu hàng Dệt may nói riêng.

Tiêu kết Chương 1

Chương 1 trình bày những nội dung khái quát Hiệp định EVFTA, đặc điểm và vai trò của hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may. Kể từ khi Việt Nam ký kết Hiệp định EVFTA, Việt Nam đã hội nhập toàn cầu sâu rộng hơn, đạt được các mốc quan trọng. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát, khi Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định EVFTA đã mang lại nhiều cơ hội tăng trưởng góp phần phục hồi kinh tế hậu Covid-19.

Trong quá trình khái quát những nội dung xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may, tác giả đã nghiên cứu và thu được những kết quả sau:

(i) Làm rõ được một số vấn đề khái quát về xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may và doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu Dệt may;

(ii) Cơ hội và thách thức đối với xuất nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may trong bối cảnh trước và sau khi ký kết Hiệp định EVFTA;

Đây là những cơ sở lý luận cơ bản giúp tác giả nghiên cứu triển khai, phân tích các nội dung tại Chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2.

CAM KẾT VÀ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU – VIỆT NAM ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY Ở VIỆT NAM

2.1. Các cam kết trong Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu -Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may.

2.1.1. Cam kết về thuế, thủ tục hải quan đối với dệt may

Hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có định nghĩa hay giải thích thuế xuất nhập khẩu là gì. Vì vậy có thể hiểu thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu như sau:

Thuế xuất khẩu là loại thuế đánh vào những mặt hàng mà Nhà nước muốn hạn chế xuất khẩu. Thuế nhập khẩu là một loại thuế mà một quốc gia hay vùng lãnh thổ đánh vào hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài trong quá trình nhập khẩu.

EVFTA đã cam kết giảm thuế, cải thiện thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa dệt may giữa EU và Việt Nam, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dệt may trong việc tiếp cận thị trường và nâng cao tính cạnh tranh. Sau đây là một số cam kết cụ thể về thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa dệt may trong EVFTA:

Một là, hai bên thống nhất thực hiện cắt giảm thuế quan với lộ trình nhanh và tương đối toàn diện.

Theo cam kết trong EVFTA, hàng dệt may vào EU sẽ được giảm ngay về 0% khoảng 42,5% số dòng thuế, còn lại sẽ được giảm dần về 0% trong 5-7 năm. Các mặt hàng có mức thuế 0% ngay khi EVFTA có hiệu lực tập trung và nguyên liệu và sản phẩm may mặc như: đồ lót, áo choàng tắm, quần áo ngủ, mặc trong nhà, đồ bơi, khăn tay, khăn choàng và cavat (trừ loại tơ tằm), găng tay, quần tất, quần áo trẻ em, áo blouse hoặc sơ mi dệt kim dành cho nữ hoặc trẻ em gái... Sau khi EVFTA có hiệu lực, hàng dệt may đang được hưởng Chương trình Ưu đãi thuế quan phổ cập GSP để tiếp tục hưởng hết 02 năm sau khi EVFTA có hiệu lực⁸.

Để được hưởng các ưu đãi về thuế quan ngành Dệt may phải đáp ứng được các quy định về quy tắc xuất xứ và được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 theo EVFTA.

Hai là, thanh toán và xử lý hải quan nhanh chóng⁹: EVFTA cam kết thúc đẩy quy trình thanh toán và xử lý hải quan nhanh chóng, đơn giản hóa các thủ tục liên quan. Điều này giúp giảm bớt thời gian và công sức cần thiết để hoàn thành thủ tục hải quan, giúp doanh nghiệp dệt may tiết kiệm thời gian và nguồn lực trong quá trình xuất khẩu hàng hóa.

Ba là, tăng cường hợp tác và thông tin liên quan đến thủ tục hải quan¹⁰: EVFTA khuyến khích hợp tác giữa hai bên trong việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm liên quan đến thủ tục hải quan, đồng thời cũng thúc đẩy việc đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ hải quan. Điều này giúp cải thiện hiệu quả hoạt động thủ tục hải quan, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dệt may trong quá trình xuất khẩu hàng hóa.

Bốn là, đảm bảo tính minh bạch và công khai¹¹: EVFTA cam kết đảm bảo tính minh bạch và công khai trong các quy định liên quan đến thủ tục hải quan, đồng thời khuyến khích công bố thông tin liên quan đến quy trình hải quan và các khoản phí liên quan.

Ngoài ra, cơ quan hải quan cũng cho phép giải phóng hàng hóa xuất khẩu nếu hàng hóa đủ điều kiện để được xuất khẩu nhưng chưa xác định được số thuế chính thức phải nộp; Người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan.

2.1.2. Cam kết về quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may

EVFTA quy định về các điều kiện quy tắc xuất xứ mà hàng hóa phải tuân thủ để được hưởng ưu đãi thuế quan.

Hiệp định EVFTA yêu cầu quy tắc xuất xứ “2 công đoạn” (từ vải trở đi) đối với hàng dệt may. Cụ thể, để sản phẩm may mặc được coi là có xuất xứ theo EVFTA thì:

Một là, có xuất xứ thuần túy, nguyên phụ liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất và toàn bộ quá trình sản xuất được thực hiện tại Việt Nam thì khi xuất khẩu vào thị trường EU hàng Dệt may Việt Nam sẽ được xem là có quy tắc xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan;

Hai là, hàng Dệt may Việt Nam sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ thuần túy, nhưng những nguyên liệu sản xuất đó đã qua gia công hoặc xử lý tại Việt Nam hoặc các

⁸ Phụ lục 2-A, Chương 2, Hiệp định EVFTA

⁹ Điều 4.2 điều 4.3 Chương 4 Hiệp định EVFTA

¹⁰ Điểm b điều 4.15 Chương 4 Hiệp định EVFTA

¹¹ Điều 4.8 Chương 4 Hiệp định EVFTA

nước thành viên EU theo quy định tại điều 5 của Nghị định thư 1 về quy tắc xuất xứ thì vẫn được xem là có quy tắc xuất xứ và sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan;

Ba là, đáp ứng được Quy tắc cụ thể mặt hàng, để sản phẩm Dệt may được coi là có xuất xứ theo EVFTA thì vải sử dụng để tạo thành sản phẩm phải có xuất xứ từ Việt Nam hoặc EU và việc cắt, may phải được thực hiện tại Việt Nam hoặc EU. Tuy nhiên vải có xuất xứ từ Hàn Quốc vẫn được xem là có xuất xứ nếu đáp ứng các điều kiện về quy trình sản xuất theo quy định tại điều 6 của Nghị định thư 1 vì Hàn Quốc đã ký FTA với cả Việt Nam và EU¹².

EVFTA cho phép chia nhỏ lô hàng trong trường hợp quá trình vận chuyển hàng hóa có quá cảnh qua nước thứ ba không phải thành viên với điều kiện hàng hóa vẫn nằm dưới sự giám sát của hải quan. Đây là Hiệp định FTA thứ hai cùng với CPTPP cho phép doanh nghiệp thực hiện việc này. Quy định này rất thuận lợi cho các doanh nghiệp khi xuất khẩu, họ có thể đưa các trung tâm phân phối lớn chia nhỏ giao hàng theo các thời điểm mùa vụ phù hợp.

2.1.3. Cam kết về hàng rào kỹ thuật (TBT) đối với sản phẩm dệt may.

Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

Mỗi nước đều có hệ thống các TBT của mình, được hành hành nhằm mục đích quản lý khác nhau. EVFTA cũng có một chương riêng về TBT (Chương 5), với các cam kết ràng buộc Việt Nam – EU (bao gồm Đức) trong việc ban hành và thực thi các biện pháp TBT đối với hàng hóa. Chương TBT của EVFTA nhấn mạnh việc tuân thủ Hiệp định TBT của WTO, đồng thời cùng thêm một số nguyên tắc bổ sung về cách thức mà Việt Nam hay EU (trong đó có Đức) ban hành và duy trì các TBT nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng các biện pháp TBT để bảo hộ trá hình cho sản xuất trong nước.

Đối với Việt Nam: cam kết chấp nhận xuất xứ hàng hóa ghi chung “Made in EU” hoặc ghi rõ xuất xứ từng nước trong EU đối với hàng hóa công nghiệp (trong đó có dệt may).

Các nhóm yêu cầu kỹ thuật chủ yếu đối với hàng dệt may của EU hiện nay gồm:

- (1) Nhóm yêu cầu tiêu chuẩn an toàn
- (2) Nhóm yêu cầu chất lượng
- (2) Nhóm yêu cầu về bảo vệ môi trường
- (3) Tiêu chuẩn người lao động
- (4) Nhóm yêu cầu phát triển bền vững

EVFTA chủ yếu bao gồm các cam kết chung hợp tác, minh bạch hóa trong lĩnh vực hàng rào kỹ thuật (TBT); không có cam kết nào cụ thể liên quan tới các biện pháp TBT có thể ảnh hưởng tới dệt may ngoại trừ:

- (1) Các cam kết về ghi nhãn hàng hóa;
- (2) Hợp tác trong việc công nhận các quy trình đánh giá sự phù hợp của mỗi Bên;
- (3) Hậu kiểm;

Đối với Việt Nam: cam kết chấp nhận xuất xứ hàng hóa ghi chung “Made in EU” hoặc ghi rõ xuất xứ từng nước trong EU đối với hàng hóa công nghiệp (trong đó có dệt may).

¹² Nghị định thư 1 – Quy định hàng hóa có xuất xứ và thương thức hợp tác quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa

2.2. Một số tác động Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam trong xuất khẩu hàng hóa dệt may ở Việt Nam

2.2.1. Các tác động tích cực của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam trong xuất khẩu hàng hóa dệt may ở Việt Nam

2.2.1.1. Tác động của thuế quan

Thứ nhất, về giảm thuế xuất khẩu: EVFTA cam kết giảm hoặc loại bỏ hầu hết các loại thuế xuất khẩu đối với hàng hóa dệt may Việt Nam sang thị trường EU. Điều này giúp giảm bớt chi phí đầu vào cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam và tăng tính cạnh tranh của hàng hóa dệt may Việt Nam trên thị trường EU. Việc giảm thuế xuất khẩu cũng là một lợi thế lớn giúp tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm dệt may Việt Nam trên thị trường quốc tế, giảm thuế sẽ mang lại lợi nhuận về cho doanh nghiệp Việt Nam cao hơn, giảm được chi phí trung gian.

Thứ hai, làm tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ khác: việc giảm hoặc loại bỏ thuế xuất khẩu đối với hàng hóa dệt may Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường EU đồng nghĩa với việc tạo điều kiện công bằng hơn để cạnh tranh với các đối thủ khác trên thị trường EU, như các nước đang có các thỏa thuận thương mại tự do với EU. Điều này giúp doanh nghiệp dệt may Việt Nam nâng cao khả năng cạnh tranh của mình trên thị trường EU.

Thứ ba, thúc đẩy khả năng tiếp cận thị trường: nhờ EVFTA, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam được hưởng lợi từ việc giảm thuế xuất khẩu, giúp tăng khả năng tiếp cận thị trường EU.

Tuy nhiên, để tận dụng được lợi ích từ cam kết về thuế, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần phải đáp ứng đúng các quy định về nguồn gốc hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ, và vấn đề lao động được đặt ra trong Hiệp định EVFTA.

2.2.1.2. Hạn ngạch xuất khẩu hàng hóa

Đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may, hạn ngạch luôn luôn là một vấn đề nan giải. Hạn ngạch khống chế số lượng hàng dệt may xuất khẩu và hạn chế chủng loại hàng dệt may sang một thị trường. Đây là biện pháp bảo hộ của các quốc gia nhằm bảo vệ ngành dệt may trong nước và kiểm soát được số lượng hàng dệt may nhập vào nước mình.

Theo EVFTA, hạn ngạch xuất khẩu hàng hóa dệt may của Việt Nam sang EU được chia thành hai loại hạn ngạch: hạn ngạch với thuế ưu đãi (tariff rate quota - TRQ) và hạn ngạch dự phòng (safeguard).

(1) Hạn ngạch TRQ: Đây là hạn ngạch cho phép xuất khẩu một số mặt hàng dệt may từ Việt Nam sang EU với mức thuế ưu đãi hoặc không thuế.

(2) Hạn ngạch dự phòng: Đây là hạn ngạch dành cho các trường hợp đặc biệt, khi nhập khẩu hàng hóa dệt may từ Việt Nam sang EU tăng đột biến và gây ảnh hưởng đến ngành sản xuất trong EU.

Ngày nay, hội nhập kinh tế đang diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ nên việc áp đặt hạn ngạch dệt may đang dần được bãi bỏ như:

- WTO đã bãi bỏ hạn ngạch dệt may cho các nước thành viên kể từ ngày 01/01/2005.

- EU đã bãi bỏ hạn ngạch dệt may cho Việt Nam từ ngày 01/01/2005.

Việc bãi bỏ hạn ngạch dệt may giúp cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may có cơ hội cạnh tranh bình đẳng nhưng nó cũng làm gia tăng mức độ cạnh tranh trong ngành này. Bởi thế, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh

vực dệt may cần chuẩn bị hành trang cho mình để dành chiến thắng trong cuộc chiến cạnh tranh.

Cần lưu ý rằng hạn ngạch xuất khẩu hàng hóa dệt may của EVFTA là một công cụ quản lý thương mại của EU và có thể thay đổi theo thời gian và tình hình thương mại giữa hai bên. Do đó, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần theo dõi và nắm vững quy định về hạn ngạch của EVFTA để có kế hoạch xuất khẩu phù hợp và tận dụng tối đa lợi ích từ Hiệp định này.

2.2.1.3. Tác động của tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái là một trong những yếu tố quan trọng có thể tác động đến xuất khẩu hàng hóa dệt may của Việt Nam sang thị trường EU dưới khuôn khổ của Hiệp định EVFTA. Các tác động của tỷ giá hối đoái có thể bao gồm:

(1) Giá cả cạnh tranh trên thị trường.

(2) Giá thành sản xuất: Nếu tỷ giá hối đoái tăng, tức là đồng Việt Nam có giá trị cao hơn so với đồng tiền của đối tác trong EVFTA, điều này có thể làm tăng giá thành sản xuất của hàng hóa dệt may Việt Nam. Điều này có thể làm giảm tính cạnh tranh của sản phẩm dệt may Việt Nam trên thị trường EU, do giá thành sản xuất tăng lên.

(3) Rủi ro tỷ giá hối đoái.

(4) Khả năng đàm phán hợp đồng.

2.2.1.4. Tác động đến chất lượng và chuẩn mực sản phẩm dệt may

Hiện nay, EVFTA không có các quy định cụ thể về chất lượng và chuẩn mực sản phẩm dệt may. Tuy nhiên, EVFTA đưa ra các nguyên tắc và tiêu chuẩn chung mà các sản phẩm dệt may cần tuân theo để được xuất khẩu vào thị trường EU.

EVFTA yêu cầu các sản phẩm dệt may xuất khẩu từ Việt Nam phải đáp ứng các chuẩn mực kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường và lao động của EU. Điều này đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần cải tiến chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường tính bền vững của ngành công nghiệp dệt may.

2.2.2. Khó khăn, hạn chế của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may ở Việt Nam.

Thứ nhất, về thuế quan xuất khẩu hàng hóa

Doanh nghiệp Việt Nam để được hưởng ưu đãi về thuế quan thì phải đáp ứng các điều kiện trong cam kết của EVFTA. Khó khăn trong thực hiện điều kiện về xuất xứ hàng hóa, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may từ Việt Nam sang EU phải đối mặt với việc kiểm tra và xác minh nguồn gốc hàng hóa bởi các cơ quan chức năng của EU. Quá trình này có thể phức tạp và đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin và chứng từ. Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU phải đáp ứng các quy định về nguồn gốc hàng hóa, và các chứng từ xác nhận nguồn gốc hàng hóa cần phải được chuẩn bị và nộp đúng quy định. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu phải có đủ năng lực và kiến thức để đáp ứng các quy định này, đồng thời đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của các chứng từ.

Thứ hai, yêu cầu về xuất xứ hàng hóa.

EVFTA đưa ra quy định về xuất xứ hàng hóa, đòi hỏi các sản phẩm dệt may xuất khẩu phải có nguồn gốc từ EU hoặc Việt Nam để có được lợi thế thuế quan. Tuy nhiên, việc chứng minh nguồn gốc có thể gặp phải khó khăn đối với một số doanh nghiệp dệt may, đặc biệt là đối với hàng hóa nhập khẩu, hoặc khi có sự phức tạp trong chuỗi cung ứng đa quốc gia.

Doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ các quy định khắt khe hơn.

Thứ ba, hạn chế về hạ tầng và công nghệ để đạt được hàng rào kỹ thuật (TBT).

Một trong những hạn chế của Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa dệt may là hạ tầng và công nghệ còn đang trong quá trình phát triển. Mặc dù EVFTA đẩy mạnh hợp tác về công nghệ giữa EU và Việt Nam, tuy nhiên, ngành công nghiệp dệt may của Việt Nam vẫn đối mặt với hạn chế về hạ tầng và công nghệ. Cơ sở hạ tầng vận chuyển, cơ sở hạ tầng điện, nước, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật vẫn chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu hàng hóa dệt may để đạt được hàng rào kỹ thuật (TBT) mà EVFTA đặt ra đối với hàng hóa dệt may xuất khẩu của Việt Nam hiện nay.

(1) Hạ tầng giao thông;

(2) Công nghệ dệt may, mặc dù ngành dệt may Việt Nam đã có sự phát triển trong việc áp dụng công nghệ vào sản xuất, nhưng vẫn còn tồn tại một khoảng cách công nghệ so với các đối tác trong EU.

(3) Năng lực nghiên cứu và phát triển: để đáp ứng các yêu cầu chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật của EVFTA, ngành dệt may Việt Nam cần có năng lực nghiên cứu và phát triển để nâng cao khả năng đổi mới công nghệ, thiết kế sản phẩm và quản lý chất lượng.

(4) EVFTA yêu cầu các sản phẩm dệt may xuất khẩu phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng của EU, đòi hỏi các doanh nghiệp dệt may của Việt Nam phải đầu tư vào công nghệ, kiểm soát sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm, công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy trình công nghệ, kỹ thuật, chất lượng sản phẩm (KCS).

(5) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng (TBT) trong EVFTA đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.3. Nguyên nhân dẫn đến khó khăn, hạn chế của Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may ở Việt Nam.

Một số nguyên nhân từ pháp luật Việt Nam cũng đóng vai trò dẫn đến khó khăn, hạn chế của EVFTA đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực Dệt may ở Việt Nam, bao gồm:

Một là, quy định về nguồn gốc hàng hóa: Pháp luật Việt Nam về quản lý nguồn gốc hàng hóa còn hạn chế, gây khó khăn cho doanh nghiệp dệt may trong việc đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc hàng hóa theo EVFTA.

Hai là, quy định về chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn: EVFTA đưa ra yêu cầu về chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn cao đối với hàng hóa dệt may, nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam vẫn đang gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu này, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa quy định đầy đủ các tiêu chuẩn và yêu cầu về chất lượng sản phẩm của EU, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may đáp ứng các tiêu chuẩn cao của thị trường EU.

Ba là, quy định về lao động: Pháp luật lao động của Việt Nam cũng có thể gây khó khăn cho các doanh nghiệp dệt may trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn lao động của EVFTA.

Bốn là, quy định về quyền sở hữu trí tuệ: Lĩnh vực Dệt may của Việt Nam hiện nay đang gặp nhiều khó khăn do việc thiếu quyền sở hữu trí tuệ.

Năm là, tác động của đại dịch COVID-19: Đại dịch COVID-19 đã gây ra ảnh hưởng lớn đến ngành dệt may toàn cầu, khiến nhu cầu thị trường giảm sút và gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc duy trì và phát triển sản xuất. Ngoài ra, việc áp

dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh cũng tác động đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp¹³.

Đại dịch COVID-19 đã gây ra gián đoạn trong hoạt động vận chuyển và logistics quốc tế, gây ra tăng chi phí vận chuyển, đặc biệt là vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không. Điều này có thể làm tăng chi phí xuất khẩu hàng hóa dệt may sang EU từ Việt Nam và làm ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của sản phẩm dệt may Việt Nam trên thị trường EU.

Tiểu kết Chương 2

Hiệp định EVFTA (Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam) đã có tác động tích cực đối với xuất khẩu hàng hóa dệt may từ Việt Nam sang EU, bao gồm những điểm sau:

(1) Loại bỏ hoặc giảm thuế nhập khẩu: EVFTA cung cấp một lộ trình giảm hoặc loại bỏ hoàn toàn các mức thuế nhập khẩu đối với hàng hóa dệt may từ Việt Nam sang EU, làm giảm chi phí xuất khẩu và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm dệt may Việt Nam trên thị trường EU.

(2) Tăng cường quy định về nguồn gốc hàng hóa: EVFTA yêu cầu sản phẩm dệt may xuất khẩu từ Việt Nam sang EU phải đáp ứng quy định về nguồn gốc hàng hóa, giúp đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong hoạt động xuất khẩu. Điều này có thể giúp cải thiện hình ảnh và uy tín của sản phẩm dệt may Việt Nam trên thị trường EU.

(3) Thúc đẩy hợp tác kỹ thuật và tiêu chuẩn: EVFTA đặt nặng vào hợp tác kỹ thuật và tiêu chuẩn giữa EU và Việt Nam, bao gồm việc hỗ trợ Việt Nam cải tiến chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn sản xuất dệt may để đáp ứng yêu cầu của thị trường EU. Điều này có thể giúp nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm dệt may Việt Nam, từ đó tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường EU.

Bên cạnh những tác động tích cực thì vẫn còn những tồn tại, hạn chế như tác giả đã phân tích ở Chương 2, tác giả cũng nêu các nguyên nhân từ các quy định của pháp luật Việt Nam dẫn đến những tồn tại, hạn chế.

Nội dung Chương 3, tác giả sẽ tập trung vào những định hướng hoàn thiện, giải pháp hoàn thiện và giải pháp nâng cao thực hiện Hiệp định EVFTA đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH EVFTA ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang các quốc gia trong liên minh châu Âu.

Một là, điều chỉnh và cập nhật các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật. Việt Nam nên định hướng thích ứng với tiêu chuẩn kỹ thuật của EU, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may. Các quy định về chất lượng, an toàn sản phẩm, bảo vệ môi trường cần được điều chỉnh và cập nhật để đáp ứng yêu cầu của thị trường EU.

¹³ Trích TS. Đỗ Hồng Quân (Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách khoa Hà Nội) - Tác động của đại dịch Covid-19 tới các doanh nghiệp Dệt may tại Việt Nam và giải pháp

Hai là, thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dệt may. Việt Nam cần đầu tư vào công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng, tăng cường năng lực thiết kế, tạo mẫu mã đa dạng và phù hợp với thị hiếu của thị trường EU.

Ba là, tăng cường khả năng quản lý chất lượng sản phẩm. Việt Nam cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm dệt may, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, an toàn, bảo vệ môi trường của EU được tuân thủ đúng quy định. Cần xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá, đảm bảo tính nhất quán và minh bạch trong quá trình sản xuất, vận chuyển và xuất khẩu hàng hóa dệt may.

Bốn là, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu. Chính phủ cần đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu dệt may sang EU, bao gồm việc hỗ trợ giới thiệu sản phẩm,...

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang các quốc gia trong liên minh châu Âu.

Thứ nhất, hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về hướng dẫn thuế quan đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang EU theo Hiệp định EVFTA.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam đã áp dụng một số quy định về thuế quan của Hiệp định Đầu tư và Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA). Tuy nhiên, để hoàn thiện pháp luật về quy định thuế quan của EVFTA, cần tiến hành các điều chỉnh, bổ sung sau:

Một là, hướng dẫn rõ ràng và chi tiết hơn về cách tính và áp dụng các mức giảm thuế quan theo lộ trình cam kết trong EVFTA, đồng thời đảm bảo tính nhất quán và đồng bộ giữa các cơ quan quản lý và địa phương trong việc thực thi các quy định này, cụ thể:

(1) Xác định đúng danh mục hàng hóa, hướng dẫn cụ thể về các mã hàng hóa được áp dụng giảm thuế quan theo EVFTA, đồng thời đảm bảo tính nhất quán trong việc xác định danh mục hàng hóa được áp dụng giảm thuế quan trên toàn quốc.

(2) Xác định nguồn gốc hàng hóa, hướng dẫn về quy trình, tiêu chuẩn và thủ tục xác định nguồn gốc hàng hóa để đủ điều kiện áp dụng giảm thuế quan theo EVFTA.

(3) Cách tính và áp dụng các mức giảm thuế quan, hướng dẫn cụ thể về cách tính và áp dụng các mức giảm thuế quan theo lộ trình cam kết trong EVFTA.

(4) Thủ tục hải quan và nộp thuế, hướng dẫn về quy trình và thủ tục hải quan trong việc nộp thuế quan áp dụng giảm theo EVFTA.

(5) Giải quyết tranh chấp và kiểm tra, giám sát, hướng dẫn về cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan đến giảm thuế quan theo EVFTA.

Hai là, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý liên quan trong việc hướng dẫn, giám sát và đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật về thuế quan của EVFTA.

(1) Cơ quan Tài chính: Cơ quan này chịu trách nhiệm hướng dẫn về cách tính và áp dụng các mức giảm thuế quan theo lộ trình cam kết trong EVFTA, đồng thời đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật về thuế quan trong khuôn khổ của EVFTA.

(2) Cục Hải quan: Cơ quan này có trách nhiệm thực hiện thủ tục hải quan liên quan đến giảm thuế quan theo EVFTA, đồng thời tiến hành giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật về thuế quan trong khuôn khổ của EVFTA. Cục Hải quan cần đảm bảo tính minh bạch, đúng đắn và thuận tiện trong thực hiện thủ tục hải quan liên quan đến giảm thuế quan, đồng thời đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và đối tác nước ngoài.

(3) Cục Thuế: Cơ quan này có trách nhiệm hướng dẫn về quy trình, tiêu chuẩn và thủ tục xác định nguồn gốc hàng hóa để đủ điều kiện áp dụng giảm thuế quan theo EVFTA, đồng thời tiến hành giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật về thuế quan liên quan đến EVFTA.

(4) Bộ Công Thương: Bộ này có trách nhiệm hướng dẫn về danh mục hàng hóa được áp dụng giảm thuế quan theo EVFTA, đồng thời tiến hành giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật.

Thứ hai, cần phải đơn giản hóa thủ tục hải quan khi xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may.

Cơ quan hải quan nên quy định áp dụng công nghệ mới như Blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), big data, Internet Vạn Vật (IoT) để tự động hóa quy trình hải quan. Đồng thời, chuẩn hóa dữ liệu giúp đơn giản hóa quy trình thông quan hàng hóa điện tử, tăng tính minh bạch và giảm bớt sai sót trong quá trình xử lý thủ tục hải quan.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật Việt Nam quy định về chuẩn kỹ thuật và chất lượng hàng hóa trong lĩnh vực dệt may.

Các quy định pháp luật về chuẩn kỹ thuật và chất lượng cũng cần được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của EU. Điều này đồng nghĩa với việc nâng cao năng lực sản xuất và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và chất lượng của EU đối với hàng hóa dệt may xuất khẩu.

Để đáp ứng yêu cầu của Liên minh châu Âu (EU) về chuẩn kỹ thuật và chất lượng trong ngành dệt may, các quy định pháp luật cần được hoàn thiện các quy định pháp luật sau:

(1) Quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, phải quy định các tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể, rõ ràng và đồng nhất cho các sản phẩm dệt may, từ quy trình sản xuất, nguyên vật liệu, thành phẩm đến đóng gói. Các tiêu chuẩn này cần đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của EU, bao gồm cả việc sử dụng các chất liệu an toàn, thân thiện với môi trường, đảm bảo tính bền vững của sản phẩm.

(2) Quy định về chất lượng phải quy định rõ ràng và nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm dệt may, từ việc kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu, quá trình sản xuất, kiểm tra sản phẩm thành phẩm đến quản lý chất lượng sau bán hàng. Các quy định này cần đảm bảo tính nhất quán và đồng nhất trong cả chuỗi cung ứng, từ nguồn cung cấp đến khách hàng cuối cùng.

(3) Quy định về quản lý môi trường trong ngành dệt may, hoàn thiện các quy định về quản lý môi trường trong quá trình sản xuất dệt may, bao gồm việc giảm thiểu và kiểm soát khí thải, nước thải, chất thải và năng lượng tiêu thụ. Cần xây dựng các quy trình, công nghệ và phương pháp sản xuất thân thiện với môi trường, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của EU.

(4) Quản lý an toàn lao động, hoàn thiện quy định về an toàn lao động trong ngành dệt may, bao gồm việc đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, đảm bảo quyền lợi và phúc lợi của công nhân lao động. Cần xây dựng các quy trình đào tạo, kiểm tra và giám sát nhằm đảm bảo tính an toàn và đúng đắn trong quá trình sản xuất.

(5) Quy định về chứng nhận tiêu chuẩn, cần hoàn thiện quy định về chứng nhận tiêu chuẩn cho hàng hóa dệt may.

(6) Giám sát và kiểm tra chất lượng hàng hóa, hoàn thiện quy định về giám sát, kiểm tra chất lượng hàng hóa dệt may xuất khẩu sang EU, đảm bảo tính công bằng, khách quan và đúng quy trình, từ quá trình sản xuất, kiểm tra, đóng gói đến vận chuyển.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam khi thực thi cam kết trong Hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam.

Thứ nhất, các doanh nghiệp cần nâng cao, bổ sung kiến thức về thị trường EU.

Hiệp định EVFTA gồm những quy định, quy tắc chặt chẽ về thủ tục đầu tư, hải quan, thuận lợi hoá thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật... đòi hỏi các doanh nghiệp cần nắm rõ và áp dụng linh hoạt. Như vậy, trong bối cảnh Hiệp định mới các doanh nghiệp cần phải điều chỉnh, thay đổi cách thức sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh có định hướng phát triển kinh tế ngành nghề này;

Một là, cập nhật thông tin kịp thời về thị trường EU.

Đề hạn chế tăng nhập khẩu từ một quốc gia, EU quy định khá nghiêm ngặt đối với hàng nhập khẩu và thường áp dụng rào cản kỹ thuật như đã sử dụng "thẻ vàng" đối với hàng hóa ngành dệt may;

Hai là, tìm hiểu về các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng của EU. Tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng là yếu tố quan trọng trong xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU.

Ba là, xây dựng mạng lưới liên kết và hợp tác. Xây dựng mạng lưới liên kết và hợp tác với các đối tác trong ngành dệt may ở EU là cách hiệu quả để nâng cao kiến thức về thị trường này.

Bốn là, tham gia các hoạt động xuất khẩu và giới thiệu sản phẩm. Tham gia các hoạt động xuất khẩu, triển lãm, gian hàng chuyên ngành, hoặc các hoạt động giới thiệu sản phẩm dệt may tại các triển lãm, hội chợ, gian hàng chuyên ngành tại EU là cách khác để nâng cao kiến thức về thị trường này.

(1) ITMA (International Textile Machinery Exhibition): Đây là một trong những triển lãm hàng đầu về công nghệ, thiết bị, và dịch vụ dệt may trên toàn cầu. Triển lãm ITMA được tổ chức tại châu Âu mỗi 4 năm một lần, và thu hút hàng ngàn nhà sản xuất dệt may, nhà cung cấp công nghệ, và các chuyên gia trong ngành dệt may.

(2) Première Vision Paris: Là một trong những triển lãm thời trang hàng đầu tại châu Âu, Première Vision Paris tập trung vào các sản phẩm và xu hướng mới trong ngành dệt may, bao gồm cả các vật liệu, mẫu mã, và phụ kiện thời trang. Triển lãm này thu hút các nhà thiết kế, nhà sản xuất, và các chuyên gia trong lĩnh vực thời trang từ khắp nơi trên thế giới.

(3) Texworld Paris: Đây là một triển lãm hàng đầu về vải và nguyên liệu dệt may tại châu Âu. Triển lãm Texworld Paris tập trung vào việc trưng bày và giới thiệu các sản phẩm vải dệt may, da, phụ liệu và công nghệ liên quan đến ngành dệt may.

(4) Munich Fabric Start: Triển lãm Munich Fabric Start là một sự kiện quan trọng về dệt may, công nghệ vải, và thời trang tại châu Âu. Triển lãm này thu hút các nhà thiết kế, nhà sản xuất, và các chuyên gia trong ngành dệt may đến từ khắp nơi trên thế giới.

(5) Moda Made in Italy: Là một triển lãm hàng đầu về thời trang "made in Italy", Moda Made in Italy tập trung vào trưng bày các sản phẩm thời trang dệt may, phụ kiện, và giày dép của các thương hiệu Ý. Triển lãm này thu hút sự tham gia của các nhà sản xuất, nhà bán buôn, và các chuyên gia trong lĩnh vực thời trang.

Năm là, theo dõi các nguồn tin và thông tin thị trường EU. Để cập nhật kiến thức về thị trường EU đối với xuất khẩu hàng hóa dệt may, bạn cần liên tục theo dõi các nguồn tin và thông tin thị trường EU, bao gồm các trang web, tạp chí, báo cáo nghiên cứu, thông tin từ các cơ quan chính phủ EU, v.v. Điều này giúp bạn nắm bắt được các

thay đổi, xu hướng mới, hoặc các chính sách, quy định mới của EU liên quan đến xuất khẩu hàng hóa dệt may.

Sáu là, tìm hiểu về các khóa học và chứng chỉ liên quan. Có thể tìm hiểu về các khóa học, chứng chỉ liên quan đến thị trường EU, tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng, hay xuất khẩu hàng hóa dệt may để cử người lao động của mình đi đào tạo, bổ sung các hợp đồng đào tạo.

Bảy là, doanh nghiệp Việt Nam cần tìm hiểu về văn hóa và thị trường của EU. EU là một thị trường đa dạng với nhiều quốc gia, ngôn ngữ, văn hóa, và thị hiếu khác nhau. Nên tìm hiểu về văn hóa và thị trường của EU là một yếu tố quan trọng để bạn có thể nắm bắt được sở thích, xu hướng, và nhu cầu của người tiêu dùng tại EU. Điều này giúp bạn tối ưu hóa chiến lược tiếp thị và quảng bá sản phẩm dệt may của bạn tại thị trường EU.

Thứ hai, thực thi tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng cho ngành dệt may từ kinh nghiệm của các nước Hàn Quốc, Trung Quốc.

Hiện nay Hàn Quốc đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển công nghệ trong ngành dệt may, từ việc phát triển nguyên liệu dệt, công nghệ dệt mới, đến thiết bị và công nghệ quản lý sản xuất hiện đại. Điều này giúp cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng cường độ cạnh tranh của ngành dệt may Hàn Quốc trên thị trường quốc tế. Hàn Quốc có các tổ chức và cơ quan chuyên trách về tiêu chuẩn hóa, như KSA (Korea Standards Association) và KATS (Korea Agency for Technology and Standards), đảm nhận vai trò xây dựng và thực thi tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng cho ngành dệt may.

Ngoài ra, Việt Nam cũng có thể học hỏi kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc xây dựng và thực thi tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng cho ngành dệt may. Trung Quốc đã có nhiều kinh nghiệm trong việc phát triển ngành dệt may và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng cho ngành này. Các cơ quan chuyên trách, như Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng của Trung Quốc (SAC), đã có vai trò quan trọng trong việc phát triển, đánh giá, và chứng nhận các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng trong ngành dệt may.

Việc học hỏi kinh nghiệm từ Trung Quốc có thể bao gồm việc đẩy mạnh hợp tác giữa các bên liên quan, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ, xây dựng và thực thi tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quá trình đánh giá và chứng nhận sản phẩm dệt may. Ngoài ra, việc đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ và công nhân trong ngành dệt may cũng là một yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thứ ba, cần ổn định chính trị. Hiệp định EVFTA vừa giúp ta có điều kiện nâng cao nội lực để ứng phó, vừa giúp củng cố vị thế để thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa đi đôi với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh.

Thứ tư, thực hiện các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ về vốn đầu tư

Chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dệt may vừa và nhỏ về vốn đầu tư là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển của ngành công nghiệp dệt may, đồng thời góp phần vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm trong địa phương. Dưới đây là một số chính sách có thể được áp dụng để hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dệt may vừa và nhỏ về vốn đầu tư:

(1) Chính sách vay vốn ưu đãi.

- (2) Hỗ trợ về tài chính đầu tư.
- (3) Chính sách hỗ trợ đối với nghiên cứu và phát triển.
- (4) Hỗ trợ về hạ tầng.
- (5) Hỗ trợ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- (6) Chính sách khuyến khích đầu tư vào các vùng kinh tế đặc biệt.
- (7) Hỗ trợ xuất khẩu.
- (8) Giảm các ngưỡng về hành chính và thuế.
- (9) Hỗ trợ phát triển thị trường nội địa.
- (10) Tổ chức các chương trình hỗ trợ tài chính.
- (11) Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển công nghệ.
- (12) Hỗ trợ tiêu chuẩn và chứng nhận.

Tiểu kết Chương 3

Nhờ hiệu ứng tích cực từ EVFTA, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU chắc chắn sẽ chuyển đổi theo hướng lợi ích, chất lượng hơn. Hợp tác sẽ trở nên rộng mở và toàn diện hơn. Bởi trước EU, Việt Nam đã mở cửa khá rộng theo Hiệp định CPTPP cho những đối tác có thể mạnh cạnh tranh tương tự EU.

Trong Chương 3, tác giả nghiên cứu đã đạt được những kết quả nghiên cứu cụ thể sau đây:

(i) Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang EU;

(ii) Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam đối với xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang EU;

ii) Giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may ở Việt Nam khi thực thi cam kết trong EVFTA từ những kinh nghiệm từ Hàn Quốc, Trung Quốc là các quốc gia có kinh nghiệm trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may sang các thị trường EU, Mỹ, Ấn Độ,...

Đặc biệt, trên cơ sở phân tích những tác động ở Chương 2, nhóm nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may của các doanh nghiệp Việt Nam, khi thực thi các cam kết trong EVFTA. Cụ thể:

(i) Các giải pháp nâng cao năng lực của chính các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu hàng Dệt may;

(ii) Các giải pháp từ ngành Dệt may nhằm hỗ trợ, kết nối các doanh nghiệp Dệt may để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc bởi các cam kết pháp lý trong EVFTA khi thực hiện hoạt động xuất khẩu sang các nước thành viên

Do đó, các doanh nghiệp và nền kinh tế đã có kinh nghiệm ở mức độ đáng kể để đối mặt với thách thức từ EVFTA. Dự báo, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU năm 2023 sẽ tăng trưởng khả quan hơn so với năm 2022 do doanh nghiệp Việt Nam ngày càng tận dụng tốt những ưu đãi từ EVFTA.

Tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ hải quan về công nghệ thông tin, đồng thời đảm bảo hỗ trợ, đáp ứng thường xuyên các thắc mắc, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Tối đa hóa việc áp dụng thủ tục hải quan tự động, đơn giản hóa các quy trình hải quan liên quan đến xuất khẩu dệt may, giảm bớt thời gian và giá trị các loại phí liên quan. Các doanh nghiệp cần phải chuẩn bị nhiều loại chứng từ khác nhau như hóa đơn

xuất khẩu, hợp đồng mua bán, chứng từ nguồn gốc hàng hóa, chứng từ về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, v.v. Điều này đôi khi làm cho quy trình xuất khẩu dệt may trở nên phức tạp và tốn nhiều thời gian và nguồn lực.

KẾT LUẬN

Hàng Dệt may là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực có tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định. Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, xuất khẩu hàng hóa dệt may đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế đất nước, xuất khẩu hàng hóa dệt may mang lại cho đất nước một nguồn thu ngoại tệ lớn, giúp chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế kéo theo sự phát triển của các ngành khác có liên quan như ngành trồng bông, ngành phân bón, giao thông vận tải hay thanh toán quốc tế, v.v, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động, góp phần tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Qua quá trình phân tích đánh giá hoạt động xuất khẩu trực tiếp sản phẩm may mặc của doanh nghiệp vào thị trường EU, có thể nhận thấy rằng doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, bên cạnh những hạn chế đó các doanh nghiệp cũng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Những bài học rút ra từ những hạn chế cũng như những thành tựu của hoạt động này sẽ là những kinh nghiệm vô cùng quý báu cho sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam trong các giai đoạn sắp tới.

Thị trường dệt may EU đang phục hồi trở lại cùng với sự phục hồi của nền kinh tế thế giới đã mở ra cho công ty những cơ hội mới để thâm nhập sâu hơn vào thị trường này. Dựa vào những kinh nghiệm vốn có trong hoạt động xuất khẩu hàng may mặc vào thị trường EU sẽ nắm bắt kịp thời những cơ hội này để tạo ra bước tiến vững chắc cho hoạt động xuất khẩu trực tiếp vào thị trường EU.

Ngoài việc phân tích vai trò cũng như các yếu tố tác động của hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu hàng hóa dệt may nói riêng, thì công trình đã tập trung nghiên cứu những quy định về hàng hóa dệt may trong EVFTA. Từ đó giúp cho tác giả nghiên cứu có thể nắm rõ những quy định, những khía cạnh pháp lý liên quan đến ngành dệt may trong EVFTA. Đồng thời, công trình đã tập trung nghiên cứu tìm hiểu tình hình thực tiễn tác động những quy định về xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may trong EVFTA tại Việt Nam. Từ những cơ sở lý luận nêu trên, công trình đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực dệt may, đặc biệt đã đề xuất và làm rõ các giải pháp sát thực và hữu ích giúp các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa dệt may đạt hiệu quả trong hoạt động xuất khẩu của mình sang các thị trường là thành viên của EVFTA.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản pháp luật

1. Quốc hội (2020), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Quốc hội (2014), Luật Hải quan.
3. Quốc hội (2019), Luật Quản lý thuế.
4. Quốc hội (2016), Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
5. Quốc hội (2013), Hiến pháp Việt Nam.
6. Quốc hội (2013), Luật Đất đai.
7. Quốc hội (2013), Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2013.
8. Quốc hội (2020), Luật Đầu tư.
9. Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp.
10. Quốc hội (2017), Luật Chuyển giao công nghệ.
11. Quốc hội (2017), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

B. Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Tú Nga (2012), *Giải pháp phát triển ngành Dệt may thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Tp. Đà Nẵng.
2. Phan Thanh Hoàn (2017), *Cơ hội và thách thức của Dệt may Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương*, Tạp chí khoa học-Đại học Huế, (số 126).
3. Sở công thương Hà Nội (2016), *Cẩm nang về các Hiệp định thương mại tự do dành cho doanh nghiệp Dệt may*, Nxb Công thương, Hà Nội.
4. Sở công thương tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo mặt hàng và chi tiết theo nước.
5. Vũ Thanh Hương (2015), *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU: tác động động đối với thương mại hàng hóa giữa 2 bên và hàm ý cho Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế quốc tế, Tp. Hà Nội.
6. Dương Công Chiến (2020), EVFTA tác động thế nào đối với ngành dệt may.
7. Trương Quốc Cường, Phan Anh, Vũ Hương Quỳnh, Nguyễn Vũ Minh Hương, EVFTA, Covid – 19 với xuất khẩu hàng hóa dệt may Việt Nam sang châu Âu: Thực trạng và khuyến nghị.
8. Trung tâm WTO và hội nhập liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam (2021). <https://trungtamwto.vn/hiiep-dinh-khac/13448-viet-nam--eu-ky-evfta-thue-ve-0-nhung-det-may-giay-dep-trong-ngan-han-co-the-gap-bat-loi>
9. Một số vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam sau 2 năm thực hiện EVFTA (2022). <http://tbtagi.angiang.gov.vn/mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-xuat-khau-san-pham-det-may-cua-viet-nam-sau-2-nam-thuc-hien-evfta-58532.html>
10. Các cam kết EVFTA về xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Đức (2022). <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta/cac-cam-ket-evfta-ve-xuat-nhap-khau-hang-hoa-giua-viet-nam-va-duc.html>
11. Vũ Khuê - Dệt may Việt Nam hưởng lợi trong dài hạn nhờ EVFTA. <https://vneconomy.vn/det-may-viet-nam-huong-loi-trong-dai-han-nho-evfta.htm>.
12. Anh Tú - Đảm bảo hạ tầng giao thông đồng bộ, đưa Việt Nam thành đầu mối logistics quan trọng trong khu vực. <https://vneconomy.vn/dam-bao-ha-tang-giao-thong-dong-bo-dua-viet-nam-thanh-dau-moi-logistics-quan-trong-trong-khu-vuc.htm>